

Market Today: Tâm lý nhà đầu tư thận trọng trong tuần cơ cấu danh mục

11/06/2018

Diễn biến thị trường trong phiên

Rating	VNI	HNI	UPCoM
Điểm	1,039.0	118.5	53.6
% ngày	0.00	-1.17	-0.33
% tuần	2.49	0.11	0.01
% tháng	-0.56	-3.51	-4.35
% năm	38.59	21.66	-7.19
GTGD (Triệu đồng)			
Trong ngày	3,709.40	567.45	220.21
Hôm qua	4,330.75	671.79	171.65
TB 1 tháng	3,946.98	630.40	175.58
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	852.51	3.31	18.55
Bán	1,044.61	9.62	10.58
Giá trị ròng	(192.10)	(6.31)	7.97
Độ rộng TT			
Mã Tăng	125	66	61
Mã Giảm	163	88	77
Không Đổi	65	230	596
Chỉ số chính			
P/E	19.3x	13x	11.8x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,273	222	854
LS Cổ tức	1.72	2.63	3.78

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

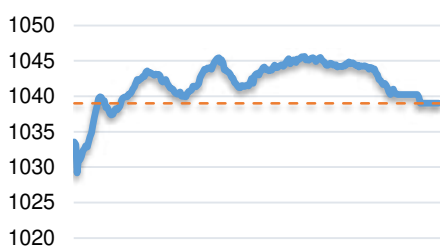
Phiên giao dịch đầu tuần của thị trường diễn ra với lực bán đầu phiên tương đối mạnh trên toàn thị trường. Một phần vì các quỹ ETF đều đang ở tình trạng giảm tỷ trọng các cổ phiếu như FTSE loại FLC và VanEck loại HAG và HSG trong kỳ cơ cấu quý 2/2018. Các quỹ này sẽ thực hiện cơ cấu lại danh mục bằng cách bán ròng trong ngắn hạn nên sẽ dẫn đến sự thận trọng của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Hôm nay trên toàn thị trường với mức thanh khoản cao và đáng chú ý là trên sàn HSX có thực hiện mua bán thỏa thuận VIC với tổng giá trị hơn 2,200 tỷ đồng. Đóng cửa giao dịch, chỉ số VN-Index quay về điểm xuất phát với mức đóng cửa là 1,039 điểm. Sắc đỏ vẫn bao trùm trên hai sàn HNX và Upcom khi HNX-Index giảm 1.17% và dừng lại ở 118.5 điểm, còn chỉ số Upcom-Index đóng cửa tại 53.6 điểm giảm nhẹ 0.33%.

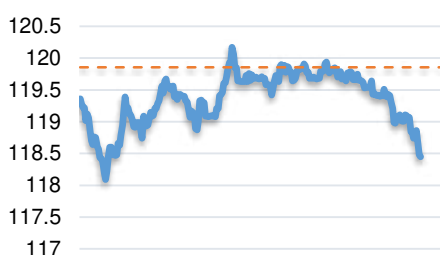
Trong phiên, nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn tăng và nâng đỡ thị trường hôm nay trên HSX như HSG (+1.1%), MWG (+1.4%), TCB (+3.6%), VJC (+2.8%), VPB (+2.7%), VRE (+1.3%),... Nhóm chứng khoán duy trì đà tăng với những mã quen thuộc như HCM, SSI, VCI vẫn duy trì sắc xanh dù không nhiều và vẫn hỗ trợ cho thị trường. Điểm đặc biệt, nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa xuất hiện nhiều mã tăng trần như các mã VRC (+6.9%), DGW (+6.8%), ELC (+6.6%),...

Hôm nay khối ngoại lại có những giao dịch lớn trên HSX với riêng giá trị bán đã lên đến hơn 1,000 tỷ đồng trong phiên giao dịch và giá trị bán ròng trong phiên là 192 tỷ đồng. Các nhà đầu tư nước ngoài bán ròng nhiều nhất tại các mã HPG (-66 tỷ), VIC (-54 tỷ), DXG (-38 tỷ), VRE (-24 tỷ), NVL (24 tỷ).

VNINDEX



HNX INDEX



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục điều chỉnh trong phiên 12/06/2018. Đồng thời, các chỉ số chính vẫn đang trong giai đoạn tích lũy, đặc biệt đây cũng là tuần cơ cấu danh mục của hai quỹ ETF cho nên tâm lý nhà đầu tư sẽ thận trọng trong các phiên giao dịch đầu tuần và tăng giao dịch ở các phiên cuối tuần. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tăng trở lại cho thấy cơ hội mở vị thế mua mới tiếp tục tăng dần.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và giữ mức chốt lỗ của hệ thống ở mức 988.25 điểm của chỉ số VN-Index và 112.86 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và mở vị thế mua mới.

Tỷ trọng khuyến nghị: 67% cổ phiếu/33% tiền mặt.

NOTES

Kết quả cơ cấu Q2/2018 của Quỹ ETF V.N.M

Kết quả review Q2/2018 của Quỹ ETF V.N.M vừa mới công bố trong ngày 09/06/2018.

Danh mục quỹ ETF V.N.M

Thêm: BH CO LTD (KR7090460007) _ South of Korea

Loại: HAG, HSG

Nguyên nhân loại hai cổ phiếu này do ảnh hưởng từ các doanh nghiệp FDI có giá trị vốn hóa lớn và đẩy các doanh nghiệp Việt Nam có giá trị vốn hóa thấp hơn ra khỏi danh mục

Tỷ trọng danh mục quỹ ETF V.N.M:

Mã	Tỷ trọng mới	Tỷ trọng cũ	Thay đổi %	Giá trị mua/bán	Khối lượng mua/bán
VNM	8.00%	7.14%	0.86%	72,639	442,381
VIC	8.00%	10.52%	-2.52%	(212,849)	(1,834,905)
NVL	7.00%	5.67%	1.33%	112,337	2,202,685
MSN	6.50%	6.93%	-0.43%	(36,319)	(448,388)
VCB	6.00%	5.64%	0.36%	30,407	562,052
VRE	5.50%	4.39%	1.11%	93,755	2,180,347
ROS	5.00%	3.23%	1.77%	149,501	2,462,950
TW0001476000	4.50%	5.73%	-1.23%	(103,891)	(373,091)
JP3869920003	4.50%	6.26%	-1.76%	(148,656)	(139,355)
KR7090460007	4.50%	0.00%	4.50%	380,087	650,783
HPG	4.50%	4.62%	-0.12%	(10,136)	(180,671)
SSI	4.50%	4.22%	0.28%	23,650	739,059
GB00B572ZV91	4.48%	4.92%	-0.44%	(37,477)	(1,150,706)
BVH	4.44%	4.34%	0.10%	8,222	95,058
KR7105630008	3.31%	3.06%	0.25%	20,953	64,413
KYG748071019	2.98%	3.33%	-0.35%	(29,180)	(1,497,900)
KR7025320003	2.69%	2.85%	-0.16%	(13,355)	(195,748)
TCH	2.66%	3.17%	-0.51%	(43,464)	(1,557,833)
STB	1.89%	2.13%	-0.24%	(20,496)	(1,744,320)
VCG	1.86%	2.11%	-0.25%	(21,157)	(1,188,581)
SBT	1.73%	2.21%	-0.48%	(40,491)	(2,745,129)
KR7097520001	1.54%	1.52%	0.02%	1,987	5,284
NT2	1.45%	1.48%	-0.03%	(2,219)	(78,279)
KDC	1.28%	1.50%	-0.22%	(18,465)	(545,485)
DPM	1.19%	1.22%	-0.03%	(2,505)	(150,887)
HAG	0.00%	1.03%	-1.03%	(86,998)	(19,506,232)
HSG	0.00%	0.63%	-0.63%	(53,212)	(5,020,023)



We Create **Fortune**

NOTES

Kết quả review Q2/2018 của Quỹ ETF V.N.M

Tỷ trọng của 2 danh mục quỹ ETF V.N.M và DB FTSE

Mã	KL V.N.M mua/bán	KL FTSE mua/bán	Tổng khối lượng mua/bán (CP)
BMP		(65,178)	(65,178)
BVH	95,058		95,058
CII		343,074	343,074
DPM	(150,887)		(150,887)
DXG		(38,061)	(38,061)
FLC		(7,329,069)	(7,329,069)
HAG	(19,506,232)		(19,506,232)
HBC		265,402	265,402
HPG	(180,671)	(495,601)	(676,272)
HSG	(5,020,023)	(1,139,615)	(6,159,638)
KBC		1,183,645	1,183,645
KDC	(545,485)		(545,485)
MSN	(448,388)	702,997	254,609
NT2	(78,279)		(78,279)
NVL	2,202,685	2,625,504	4,828,189
PDR		(583,331)	(583,331)
PLX		(1,644,021)	(1,644,021)
PVD		572,764	572,764
ROS	2,462,950	1,097,336	3,560,286
SBT	(2,745,129)	245,671	(2,499,458)
SSI	739,059	(644,776)	94,283
STB	(1,744,320)	(3,816,805)	(5,561,125)
TCH	(1,557,833)	1,902,009	344,176
VCB	562,052	2,559,357	3,121,409
VCG	(1,188,581)		(1,188,581)
VIC	(1,834,905)	(2,126,576)	(3,961,481)
VNM	442,381	54,900	497,281
VRE	2,180,347	(242,343)	1,938,004



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	1,070.0	1,026.6	975.0	894.0
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	138.5	127.0	115.5	103.0



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	21.10	TĂNG	GIẢM	20.40	20.66	3.43%			22.42		
ACB	42.60	TĂNG	GIẢM	42.00	38.74	1.43%			46.17		
BFC	30.80	TĂNG	GIẢM	31.70	29.71	-2.84%			33.63		
BHN	114.00	TĂNG	GIẢM	114.00	95.78	0.00%			132.78		
BID	31.00	TĂNG	GIẢM	30.50	28.04	1.64%			36.70		
BMP	61.60	TĂNG	GIẢM	56.10	59.61	9.80%			63.44		
BSR	19.00	GIẢM	TĂNG		20.69						
BVH	95.90	TĂNG	GIẢM	94.90	87.07	1.05%			105.65		
BWE	18.50	GIẢM	GIẢM		20.19				22.84		
CEO	15.50	GIẢM	GIẢM		17.87				17.99		
CHP	25.60	TĂNG	GIẢM	24.65	24.85	3.85%			26.29		
CSM	15.35	TĂNG	TĂNG	13.55	14.61	13.28%		14.80	12.69	3.72%	
CTD	160.10	TĂNG	GIẢM	138.00	149.26	16.01%			160.75		
CTG	28.05	TĂNG	GIẢM	28.40	26.05	-1.23%			32.81		
CTI	29.90	GIẢM	GIẢM		31.21				35.66		
CVT	32.10	TĂNG	GIẢM	32.10	31.23	0.00%	MUA		33.98		
DGW	29.70	TĂNG	TĂNG	27.15	27.00	9.39%		16.40	23.82	81.10%	
DHA	28.20	GIẢM	GIẢM		28.57				30.63		
DHC	42.50	GIẢM	GIẢM		45.08				46.93		
DHG	107.60	TĂNG	TĂNG	109.00	104.11	-1.28%		115.00	96.90	-6.43%	
DPG	53.00	GIẢM	GIẢM		56.89				62.82		
DPM	19.05	TĂNG	GIẢM	18.10	17.69	5.25%			19.79		
DPR	40.70	TĂNG	GIẢM	40.70	39.19	0.00%			42.17		
DQC	33.50	GIẢM	GIẢM		34.61				37.41		
DRC	23.00	TĂNG	GIẢM	22.40	21.10	2.68%			24.80		
DXG	32.50	TĂNG	GIẢM	30.75	30.65	5.69%		33.75	33.26	-1.45%	MUA
ELC	11.30	TĂNG	GIẢM	11.30	10.72	0.00%	MUA		12.46		
FCN	17.00	TĂNG	GIẢM	15.40	15.32	10.39%		17.70	17.51	-1.07%	MUA
FIT	5.11	TĂNG	GIẢM	5.56	4.97	-8.09%			6.28		
FMC	23.00	TĂNG	GIẢM	21.95	21.05	4.78%			24.44		
FPT	47.50	GIẢM	GIẢM		49.38				52.83		
GAS	97.20	GIẢM	GIẢM		104.42				119.25		
GIL	42.90	TĂNG	TĂNG	44.00	40.12	-2.50%		34.90	40.00	22.92%	
GMD	27.90	TĂNG	GIẢM	27.35	26.94	2.01%			29.31		
GTN	10.45	TĂNG	GIẢM	10.55	9.71	-0.95%			11.53		
HAG	4.61	GIẢM	GIẢM		4.85				5.68		
HAX	16.30	TĂNG	GIẢM	16.50	15.54	-1.21%			18.67		
HBC	26.80	TĂNG	GIẢM	25.40	24.77	5.51%			28.68		

We Create **Fortune**

HDB	41.90	TĂNG	GIẢM	39.00	40.15	7.44%		46.20		
HNG	8.59	TĂNG	TĂNG	8.36	7.96	2.75%	8.20	7.24	4.76%	
HPG	60.60	TĂNG	TĂNG	56.10	57.65	8.02%	61.30	60.57	-1.14%	MUA
HSG	13.30	TĂNG	GIẢM	11.30	11.39	17.70%		13.72		
HT1	12.90	TĂNG	GIẢM	13.05	11.78	-1.15%		14.31		
HUT	6.40	TĂNG	GIẢM	6.80	6.01	-5.88%		7.82		
HVN	37.20	TĂNG	GIẢM	33.10	30.32	12.39%		47.23		
ITD	13.65	TĂNG	TĂNG	11.30	12.24	20.80%	12.40	10.54	10.08%	
KBC	12.70	GIẢM	GIẢM		13.10			14.33		
KDH	33.25	GIẢM	GIẢM		34.17			37.45		
KSB	38.10	TĂNG	GIẢM	37.30	34.57	2.14%		40.92		
LCG	9.69	GIẢM	TĂNG		9.92		11.10	9.54	-12.70%	
LIX	41.55	GIẢM	GIẢM		43.93			47.69		
LPB	12.60	GIẢM	GIẢM		13.03			17.46		
LSS	8.40	GIẢM	GIẢM		8.99			9.60		
MSN	85.00	GIẢM	GIẢM		88.22			98.60		
MWG	122.70	TĂNG	TĂNG	118.50	109.97	3.54%	121.00	115.64	1.40%	MUA
NKG	18.00	TĂNG	GIẢM	22.25	16.28	-19.10%		25.42		
NLG	30.70	TĂNG	GIẢM	33.75	28.35	-9.04%		31.83		
NT2	29.15	TĂNG	GIẢM	29.80	28.34	-2.18%		31.66		
NTL	10.00	TĂNG	TĂNG	9.78	9.53	2.25%	10.45	8.94	-4.31%	
NTP	51.00	TĂNG	GIẢM	53.00	49.75	-3.77%		58.88		
PAC	44.50	TĂNG	GIẢM	42.50	40.62	4.71%		45.35		
PC1	32.35	TĂNG	GIẢM	32.30	29.96	0.15%		34.50		
PDR	31.40	TĂNG	GIẢM	32.30	30.24	-2.79%		33.68		
PGC	14.10	GIẢM	GIẢM		14.32			15.72		
PHR	45.65	TĂNG	GIẢM	43.70	43.81	4.46%		47.47		
PLC	19.00	TĂNG	GIẢM	19.60	18.08	-3.06%		21.76		
PLX	66.30	TĂNG	GIẢM	65.60	61.25	1.07%		74.79		
PNJ	182.00	TĂNG	GIẢM	179.00	170.40	1.68%		189.80		
POW	13.90	GIẢM	TĂNG		14.94					
PPC	17.45	GIẢM	GIẢM		18.14			19.39		
PTB	100.00	TĂNG	GIẢM	98.50	94.17	1.52%		104.22		
PVD	14.25	TĂNG	GIẢM	15.20	13.39	-6.25%		17.99		
PVI	33.70	TĂNG	GIẢM	33.80	31.55	-0.30%		37.23		
PVS	17.30	GIẢM	GIẢM		18.45			22.02		
PXS	5.72	GIẢM	GIẢM		6.03			7.21		
RAL	105.00	GIẢM	GIẢM		114.23			127.39		
REE	34.00	TĂNG	GIẢM	33.90	32.55	0.29%		37.12		
SAB	243.00	TĂNG	TĂNG	247.60	227.46	-1.86%	252.40	206.97	-3.72%	
SAM	7.11	GIẢM	GIẢM		7.52			8.37		
SBV	30.80	TĂNG	GIẢM	30.80	30.66	0.00%		32.75		
SCR	9.87	TĂNG	GIẢM	10.15	8.95	-2.76%		11.17		



We Create Fortune

SHI	6.40	GIẢM	TĂNG	6.83	6.45	-5.63%	BÁN	6.99	5.88	-8.44%
SJS	23.30	GIẢM	GIẢM		23.66				25.62	
SKG	29.00	TĂNG	TĂNG	26.60	26.79	9.02%			27.66	
SSI	34.05	TĂNG	GIẢM	32.00	30.69	6.41%			37.51	
STB	12.60	TĂNG	GIẢM	12.55	12.09	0.40%			13.83	
SVC	48.40	GIẢM	GIẢM		49.87				51.89	
TCM	21.60	TĂNG	GIẢM	21.70	20.46	-0.46%			22.70	
TDH	14.10	TĂNG	GIẢM	15.50	13.99	-9.03%			15.83	
TLH	10.00	TĂNG	GIẢM	9.92	9.54	0.81%			10.83	
TMT	8.79	GIẢM	TĂNG		9.61			10.55	8.66	-16.68%
TNG	12.80	TĂNG	GIẢM	13.50	12.50	-5.19%			14.43	
TYA	15.80	TĂNG	GIẢM	15.95	14.86	-0.94%			16.97	
VCB	59.00	TĂNG	GIẢM	54.10	54.36	9.06%			64.41	
VFG	48.70	TĂNG	TĂNG	37.10	46.56	31.27%		46.10	41.55	5.64%
VGC	24.20	TĂNG	GIẢM	23.10	22.56	4.76%			26.55	
VIB	31.40	TĂNG	GIẢM	31.20	28.13	0.64%			34.84	
VIC	124.30	TĂNG	GIẢM	116.00	113.37	7.16%			132.50	
VIP	7.15	GIẢM	TĂNG		7.25			6.71	6.82	6.49%
VJC	184.00	TĂNG	GIẢM	170.30	161.77	8.04%			184.83	
VKC	6.70	TĂNG	TĂNG	6.20	6.51	8.06%		6.80	5.36	-1.47%
VNM	180.10	TĂNG	GIẢM	175.00	167.44	2.91%			184.77	
VPB	53.20	TĂNG	GIẢM	46.00	45.26	15.65%			53.69	
VRC	17.10	TĂNG	GIẢM	17.10	17.05	0.00%	MUA		19.36	
VRE	45.10	TĂNG	GIẢM	45.45	42.08	-0.77%			51.30	
VSC	36.50	TĂNG	TĂNG	32.60	31.88	11.96%			36.02	
VSH	17.55	TĂNG	TĂNG	17.40	16.72	0.86%		17.40	16.36	0.86%



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	1,039.02	0.00
VN30	1,024.85	(0.10)
VN Mid	1,047.93	(1.17)
VN Small	850.17	(0.01)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	852.51	
Bán	1,044.61	
GT ròng	(192.10)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ROS	4,200	6.9%
VRC	1,100	6.9%
DGW	1,900	6.8%
ELC	700	6.6%
SJS	1,400	6.4%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TCH	(1,750)	-6.3%
TTF	(260)	-6.2%
HAX	(1,000)	-5.8%
GDT	(2,050)	-4.4%
QCG	(400)	-4.1%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTGD > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	327,867	
VHM	321,553	
VNM	261,370	
VCB	212,268	
GAS	186,036	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
HPG	8.04	4.48
KSA	6.10	0.47
ASM	5.76	3.99
MBB	5.69	5.04
FLC	5.32	4.11

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	118.45	(1.17)
HN30	213.96	(1.92)
VNX AllSh	1,454.40	(0.12)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	3.31	
Bán	9.62	
GT ròng	(6.31)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TTB	1,900	9.9%
SLS	3,000	3.9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CEO	(1,700)	-9.9%
PVS	(700)	-3.9%
VCG	(700)	-3.8%
HUT	(200)	-3.0%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	46,199	
VCS	16,352	
SHB	11,189	
VGC	10,850	
VCG	7,907	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	5.00	12.21
ACB	4.13	4.19
PVS	3.95	4.63
HUT	1.71	1.81
PVX	1.67	1.67

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	53.64	(0.33)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	18.55	
Bán	10.58	
GT ròng	7.97	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ACV	6,700	7.5%
MPC	2,250	5.6%
DVN	700	4.4%
SCS	2,100	1.2%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VLC	(800)	-4.0%
HVN	(1,100)	-3.0%
SSN	(400)	-2.4%
NTC	(1,500)	-2.1%
BSR	(200)	-1.1%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	209,440	
BSR	58,289	
MCH	50,938	
HVN	45,091	
GVR	33,600	

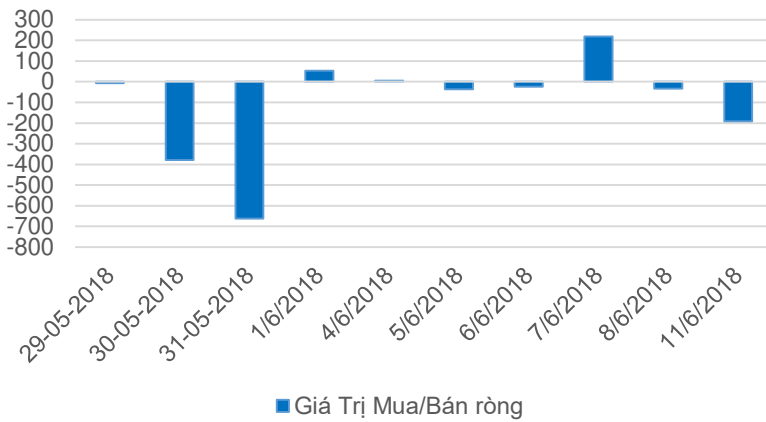
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
QPH	1.28	0.00
BSR	0.79	1.21
LPB	0.75	2.24
HVN	0.58	0.51
DVN	0.54	0.22

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

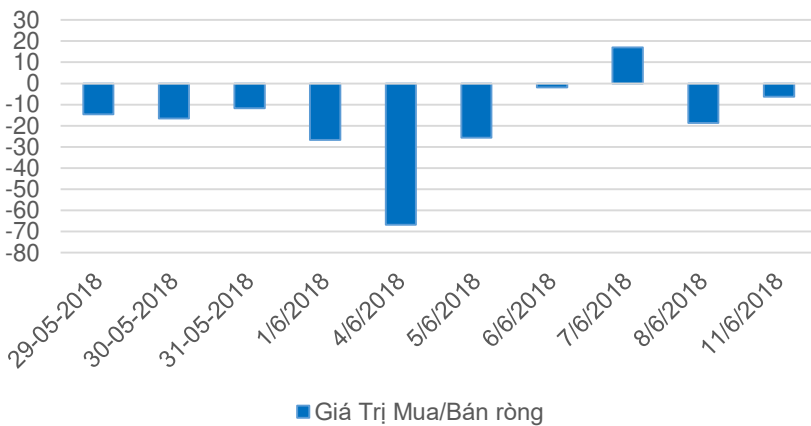
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
SSI	18,285	HPG	(65,760)
VCB	16,753	VIC	(54,051)
CTD	13,968	DXG	(37,611)
VHM	11,700	VRE	(23,994)
VJC	10,811	NVL	(23,549)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

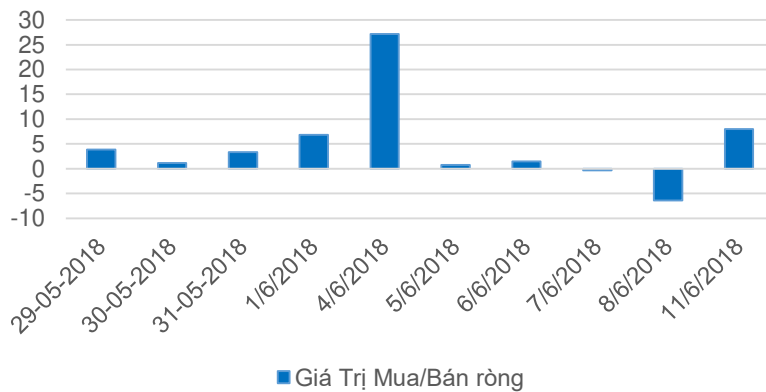
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
SHB	1,014	PVS	(5,842)
VGC	242	CIA	(642)
TV2	195	PLC	(475)
SHS	194	API	(175)
HUT	138	VNT	(145)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại UPCoM



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
ACV	8,034	BSR	(7,738)
HVN	2,848	LPB	(367)
QNS	2,109	PIA	(332)
VLC	1,515	CTR	(239)
SCS	1,293	SGN	(14)

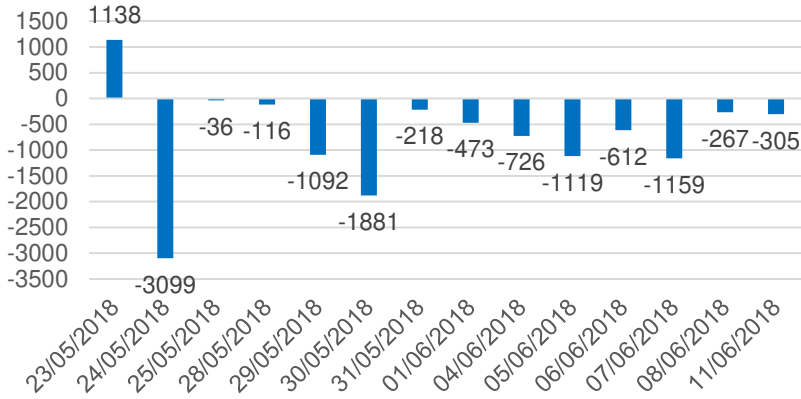
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

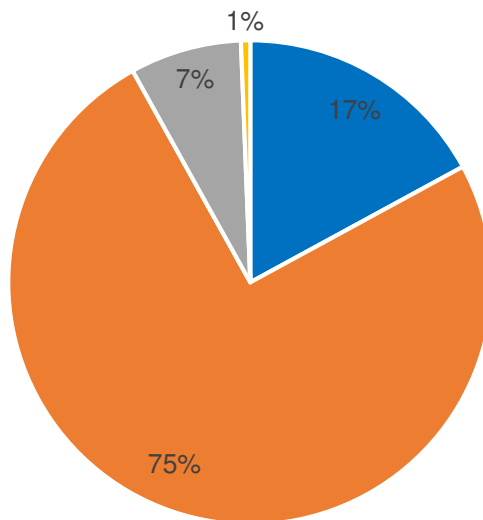


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
E1VFN30	73,398	MSN	16,458
NVL	9,549	DXG	14,996
MSN	6,743	HPG	11,602
CTG	3,275	NVL	11,069
STB	2,934	VIC	7,505

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



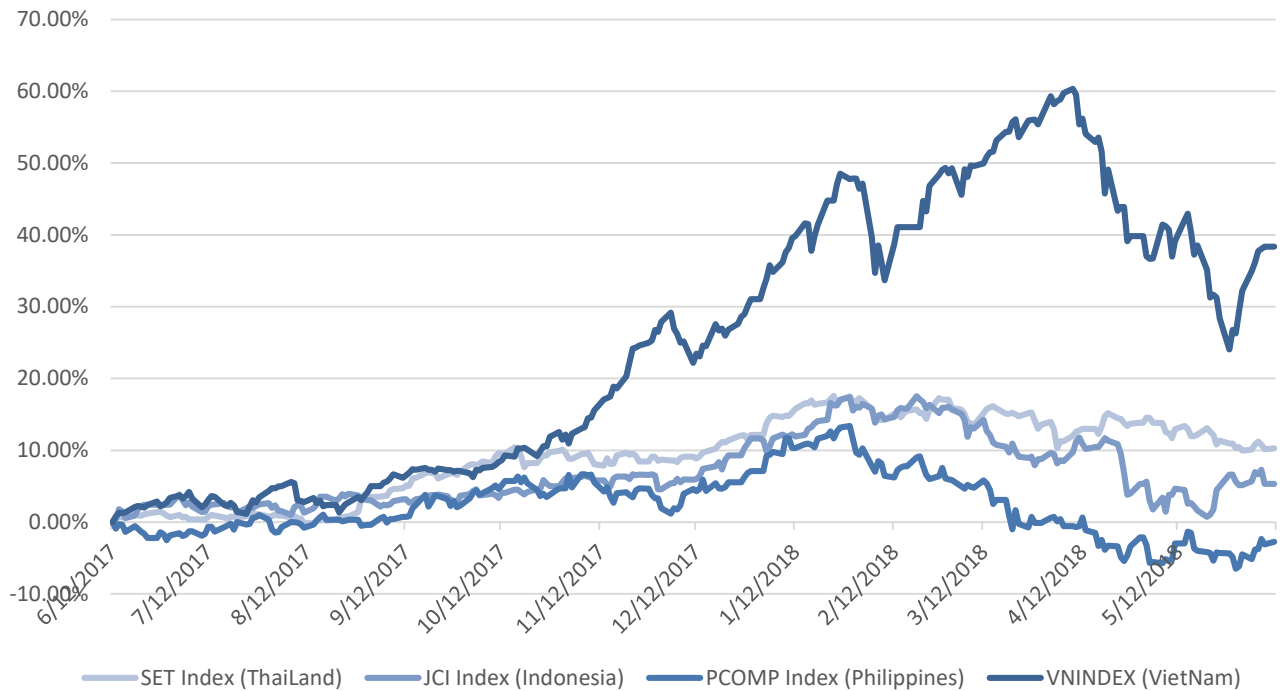
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

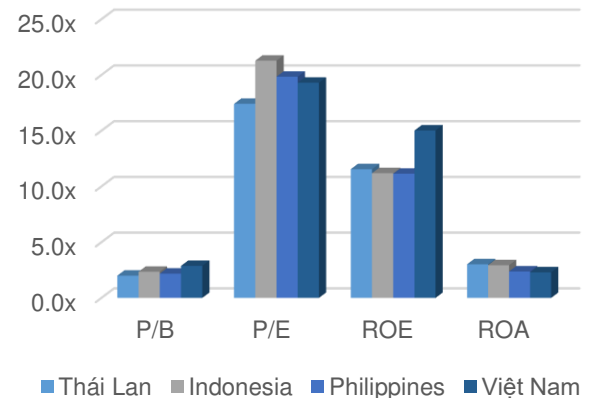
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.3x	2.2x	2.9x
P/E		17.4x	21.3x	19.8x	19.3x
ROE	%	11.55	11.19	11.14	15.02
ROA	%	3.02	2.93	2.37	2.30
Vốn hóa	Tỷ USD	540.65	483.85	181.51	143.54
GTGD	Triệu USD	1.22	0.67	0.06	0.16
LS cổ tức	%	2.97	2.28	1.61	1.72

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written